TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/DS-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2026
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ tài sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Trần Thị Huệ

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ tài sản trên đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Q, sinh năm 1982; CCCD: 026182000605; Nơi cư trú: thôn T, xã S, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1946 (chết ngày 26/3/2026), CCCD: không có; ông Trần Kim N, sinh năm 1946; CCCD: không có, vắng mặt, anh Trần Hải N1, sinh năm 1981; CCCD: không có, vắng mặt; Đều cư trú: thôn A, xã S, tỉnh Phú Thọ.

- Người thừa kế quyền tố tụng của bà Vũ Thị H: Ông Trần Kim N, sinh năm 1946, CCCD: không có, vắng mặt; anh Trần Hải N1, sinh năm 1981; CCCD: không có, vắng mặt; Đều cư trú: thôn A, xã S, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Tạ Thị Q trình bày:

Chị không anh em họ hàng gì với bà H, ông N, anh N1 từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 8/2022 chị có mua của chị Nguyễn Thị Thu L, địa chỉ: thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cũ, nay là thôn Đ, xã T, tỉnh

Phú Thọ diện tích 95,5m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Tạ Thị Q. Vào ngày 01/02/2025 chị có đến thăm đất và phát hiện gia đình bà H, ông N, anh N1 xây một đoạn tường chắn ngang chồng lấn vào thửa đất của chị. Thửa đất 654, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cũ, nay là thôn A, xã S, tỉnh Phú Thọ, với diện tích 24m^2 đã bị nhà bà H, ông N, anh N1 xây tường rào 2,4m^2 chiều cao 2m, chiều dài 5m. Sau khi biết sự việc chị đã gặp gia đình bà H và yêu cầu phá dỡ phần đã xây chồng lấn vào đất của chị, nhưng gia đình bà H không tháo dỡ. Nay chị đề nghị gia đình bà H phá dỡ trụ cổng, phần tường rào đã xây chồng lấn sang đất của chị và phần lối đi bê tông và trả lại cho gia đình chị là 11m^2 đất theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2025.

Bị đơn bà Vũ Thị H (đã chết) quá trình giải quyết bà trình bày: Bà không anh em họ hàng gì với chị Tạ Thị Q, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Nguồn gốc thửa đất nhà bà do ông cha để lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà. Từ khi nhà nước kê khai cấp giấy chứng nhận cho toàn dân thì gia đình bà kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về diện tích số tờ, số thửa như thế nào bà không nhớ vì bà đã già. Từ trước đến nay gia đình bà không bán đất hay chuyển nhượng cho ai. Đối với ông Khổng Văn P không có anh em họ hàng gì chỉ biết ông ở xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc trước kia ông đi bán gạch thì bà biết chứ không mua bán gì với ông P. Còn chị Tạ Thị Q, anh Chu Văn B, anh Khổng Văn T bà không quen biết khi đến hòa giải bà mới biết chứ không có việc gia đình bà bán đất cho những người này. Nay chị Q yêu cầu gia đình bà phá bỏ phần tường rào đã xây chồng lấn sang đất của chị để trả lại mặt bằng để chị xây dựng và canh tác trên thửa đất đó bà không đồng ý vì đất đó là đất của gia đình bà.

Bị đơn, người thừa kế quyền tố tụng của bà Vũ Thị H, ông Trần Kim N vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết ông trình bày do điều kiện ông già sức khỏe yếu không đến Tòa làm việc được ông đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt ông, ông trình bày: Ông là chồng bà Vũ Thị H toàn bộ nội dung bà H đã trình bày tại Tòa án là đúng sự thật ông không có bổ sung gì. Nay chị Q khởi kiện vợ chồng ông, ông không đồng ý với yêu cầu của chị Q vì vợ chồng ông không mua bán, chuyển nhượng gì với chị Q.

Bị đơn, người thừa kế quyền tố tụng của bà Vũ Thị H anh Trần Hải N1 vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh trình bày: Anh là con trai bà Vũ Thị H, ông Trần Kim N, hiện nay anh đang ở cùng bà H, ông N (anh đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên về ở với ông bà). Diện tích bố mẹ anh đang quản lý sử dụng có nguồn gốc do ông cha để lại và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Vũ Thị H năm 2000, từ đó đến nay bố mẹ anh chưa làm thủ tục tặng cho anh, đất đai vẫn là của bố mẹ anh. Do anh đi làm xa nên việc bố mẹ vay mượn tiền, tặng cho, chuyển nhượng đất thế nào thì anh không biết không tham gia. Quá

trình bố mẹ xây trụ cổng, làm tường rào, trồng cây trên đất, làm bể phốt anh không có đóng góp, không tham gia gì. Nay chị Q khởi kiện bà H, ông N và anh, anh đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. ải N1 vawHair HHaHaaaa HaHải nnnnn

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 31, Điều 236 Luật đất đai năm 2024 và Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người thừa kế quyền nghĩa vụ của bị đơn tháo dỡ bờ tường rào trả lại đất cho nguyên đơn.

2. Về chi phí tố tụng và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Tạ Thị Q, bà Vũ Thị H, ông Trần Kim N và anh Trần Hải N1 là quan hệ dân sự giữa cá nhân với nhau, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Bà Vũ Thị H, ông Trần Kim N, anh Trần Hải N1 bị đơn có hộ khẩu tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết bà Vũ Thị H chết ngày 26/3/2026 Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã S, hiện bà H có con là anh Trần Hải N1 và chồng là ông Trần Kim N thuộc hàng thừa kế thứ nhất, ngoài ra bà không có con riêng hay con nuôi nào khác. Do vậy, Tòa án đưa ông Trần Kim N, anh Trần Hải N1 vào tham gia tố tụng là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Vũ Thị H.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn, người thừa kế quyền tố tụng của bà H, ông Trần Kim N, anh Trần Hải N1 đã được triệu tập hợp lệ đều vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông N và anh N1.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Tạ Thị Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu gia đình bà H, ông N, anh N1 trả lại diện tích đã xây chồng lấn là khoảng 24m^2 trả lại mặt tiền trước thửa đất cho chị. Quá trình giải quyết Tòa án thụ lý về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Quá trình giải quyết chị Q đề nghị gia đình bà H, ông N, anh N1 tháo dỡ trụ cổng, bờ tường rào và phần lối đi bê tông trả lại cho chị 11m^2 đất theo biên bản bản thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2025 đối với thửa đất tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Do vậy xác định lại quan hệ pháp luật là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ tài sản trên đất" theo quy định tại khoản 9 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Q xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp là do chị mua của chị Nguyễn Thị Thu L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Tạ Thị Q. Bà H, ông N, anh N1 đã xây tường rào, trụ cổng, lát bê tông tại phần đất tiếp giáp đường giao thông liên thôn. Nay chị Q yêu cầu bà H, ông N, anh N1 tháo dỡ bờ tường rào, trụ cổng, nền láng bê tông cổng trả lại chị 11m^2 đất theo đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2025.

Quá trình giải quyết bà H, ông N, anh N1 xác định nguồn gốc thửa đất mà chị Q cho rằng ông bà xây tường rào đổ bê tông là của gia đình nhà ông bà, từ trước đến nay không bán đất cho chị Q hay cho ai khác nên không đồng ý tháo dỡ để trả cho chị Q.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương nguồn gốc đất tranh chấp đứng tên bà Vũ Thị H, theo bản đồ 299 là thửa 115, tờ bản đồ số 17 diện tích 556m^2. Theo sổ địa chính trang số 7 là thửa 115^1, 115^2 diện tích 706m^2 (trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 506m^2) đứng tên bà Vũ Thị H. Theo bản đồ VN2000 năm 2015 là tờ bản đồ 15 diện tích đất nhà bà H đã được cấp thửa 97 diện tích 643,1m^2. Theo bản đồ VN2000 mới nhất thửa đất số 97 đã được chỉnh lý thành 04 thửa là thửa 656 diện tích 348,7m^2 hiện nhà bà H đã làm nhà, còn lại thửa 653 diện tích 100,6m^2, thửa 654 diện tích 95,5m^2, thửa 655 diện tích 98,3m^3. Thửa đất trước đây đứng tên bà Vũ Thị H sau đó bà H, ông N tặng cho con trai là anh N1, sau đó anh N1 chuyển nhượng cho anh Khổng Văn C, anh C tặng cho ông Khổng Văn P. Ông P chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Thu L, anh Chu Văn B, anh Khổng Văn T. Sau đó chị Nguyễn Thị Thu L chuyển nhượng cho chị Tạ Thị Q, còn 01 thửa hiện nay bà H đã làm nhà ở trên đó nhưng không rõ ai là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ông B, bà Q, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định, các hộ đều có quyền

sử dụng đúng ranh giới thửa đất của mình được cấp. Từ khi chị Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có đơn từ gì gửi đến UBND xã, nhà bà H cũng không có đơn từ gì.

Quá trình làm việc Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của anh Khổng Văn C là người trực tiếp được anh N1 con trai bà H chuyển nhượng đất cho anh, anh trình bày: Năm 2018 anh Trần Hải N1 thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) có gọi anh C đến sơn nhà cho anh N1 ở thôn A, xã Đ (thời điểm đó anh đang làm sơn). Quá trình anh sơn nhà cho anh N1 có nhiều người đến đòi tiền công xây dựng, tiền vật liệu thì anh N1 có nói với anh có khoản tiền khoảng 2.000.000.000đ đến 3.000.000.000đ chưa về kịp nên vay tiền của anh để trả, anh có đưa tiền trực tiếp cho anh N1. Sau đó cả tiền sơn của anh tổng là anh N1 nợ khoảng 400.000.000đ (số tiền cụ thể anh không nhớ rõ), sau đó nhiều lần anh đòi tiền nhưng anh N1 đều khất lần. Đến năm 2019 anh N1 đề xuất nói với anh là anh chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 643m^2 ở thôn A, xã Đ (lúc đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N1) cho anh để trừ nợ anh đồng ý và anh thỏa thuận anh cho anh N1 khoảng 20.000.000đ đến 30.000.000đ do đã lâu anh không nhớ rõ. Đến năm 2019 anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh với toàn bộ diện tích đất này. Do làm ăn thua lỗ nên anh chuyển nhượng thửa đất này cho ông Khổng Văn P (là bố đẻ anh) lúc đó làm hợp đồng tặng cho cả thửa đất nhưng thực tế anh bán cho bố anh một nửa (phần đất không có công trình) để lấy vốn làm ăn. Năm 2022 bố anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất này. Khoảng 2 đến 3 năm (anh không nhớ) bố anh bán đất phần không có công trình, phần còn lại có công trình nhà của anh N1 vẫn đứng tên ông P nhưng khi anh bán đất cho bố anh thỏa thuận bán một nửa phần không có nhà, nên bố anh đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh vì không liên quan gì nữa. Do thấy gia đình anh N1 nheo nhóc và khi bán một nửa đất anh cũng đã thu hồi tiền của mình nên anh đã trả lại phần đất còn lại (phần có nhà của anh N1) cho anh N1 và đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P đưa cho anh N1 và bảo anh N1 tự đi làm thủ tục chuyển lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N1.

Tòa án tiến hành lấy lời khai ông Khổng Văn P là bố của anh Khổng Văn C, ông trình bày: Năm 2020 anh Khổng Văn C con trai ông làm ăn thua lỗ có chuyển nhượng cho ông 643m^2 đất ở xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cũ (lúc đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh C) để lấy vốn làm ăn. Đất này ở đâu anh C có mua của ai hay tặng cho gì thì ông không biết. Đến năm 2022 thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất này. Cách đây khoảng 2 đến 3 năm (cụ thể ông không nhớ rõ) ông có bán một nửa diện tích đất này (phần đất không có công trình) cho anh Q1 còn anh Q1 bán cho ai, ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không rõ, anh Q1 bảo ông ký giấy tờ thì ông ký. Khi ông mua của anh C thì giấy tờ là làm toàn bộ diện tích

đất nhưng thực tế bố con thỏa thuận miệng với nhau là anh C bán cho ông một nửa phần đất không có công trình. Nên khi bán được một nửa này phần còn lại có công trình là của anh C, mặc dù lúc đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông nhưng không có liên quan nữa và ông đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông cho anh C. Còn sau đó anh C làm gì đối với một nửa này thì ông không rõ. Lúc nhận chuyển nhượng của anh C vì là bố con và lúc đó anh C làm ăn thua lỗ nên không làm hợp đồng chuyển nhượng mà làm hợp đồng tặng cho.

Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Thu L là người bán đất cho chị Q, chị trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa chị Q và bà H, ông N, anh N1 là chị mua của ông Khổng Văn P trú tại thôn T, xã S, tỉnh Phú Thọ tháng 6/2022. Ngày 27/7/2022 vợ chồng chị có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Tạ Thị Q, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ). Thửa đất 654, tờ bản đồ số 15 diện tích 95,5m^2 (trong đó đất ở 50m^2, đất trồng cây lâu năm 45,5m^2 hình thức sử dụng riêng); địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) giá chuyển nhượng 60.000.000đ. Sau khi trả đủ tiền chị Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi chị mua đất của ông P và bán cho chị Q cũng không có ai có ý kiến thắc mắc gì, nhà bà H cũng không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết bà H, ông N, anh N1 xác định không có việc bà H, ông N tặng cho anh N1 quyền sử dụng đất Tòa án đã thu thập tại chi nhánh Văn phòng Đ Thạch toàn bộ hồ sơ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Kim N, bà Vũ Thị H tặng cho anh Trần Hải N1 thửa đất 115, tờ bản đồ số 17, diện tích 706m^2 ký tại Văn phòng C1 có người ký làm chứng là Trần Thị B1. Tòa án đã làm việc với anh N1 và ông N về việc bà H, ông N làm hợp đồng tặng cho anh N1 toàn bộ diện tích đất và có yêu cầu giám định chữ ký không ông N và anh N1 đều không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát yêu cầu tạm ngừng lấy lời khai của bà Trần Thị B1 là người ký làm chứng trong hợp đồng tặng cho giữa ông N, bà H và anh N1.

Tòa án đã gặp và lấy lời khai của bà Trần Thị B1, bà trình bày: bà có quan hệ với bà Vũ Thị H, ông Trần Kim N là anh con nhà bác. Ngày 22/01/2019 bà Vũ Thị H nhờ bà B1 ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Kim N, bà Vũ Thị H sang cho anh Trần Hải N1 là con trai bà H toàn bộ thửa đất số 115, tờ bản đồ số 17, diện tích 706m^2; địa chỉ: khu I, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) thì bà B1 đồng ý và ký dưới phần người làm chứng của Hợp đồng tặng cho giữa bà H, ông N và anh N1. Khi bà ký người làm chứng thì bà H, ông N và anh N1 đều thống nhất làm hợp đồng tặng cho anh N1, bà H nói vợ chồng già rồi tặng cho con để vay mượn cho dễ.

Quá trình giải quyết gia đình bà H, ông N, anh N1 có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Khổng Văn P phù hợp với lời khai của anh C là con trai ông P trình bày bán đất cho ông P, sau ông P bán phần đất trống xong trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C và anh C đã trả lại cho anh N1 để anh N1 tự làm thủ tục sang tên là hoàn toàn phù hợp.

Quá trình thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp ông N, bà H có đổ bê tông phần lối đi 11,0m^2, 01 trụ cổng, 02m tường xây gạch chỉ cao 2m.

Hội đồng định giá đất ở tại khu vực tranh chấp là 6.000.000đ/m^2 đất ở và 4.000.000đ/ m^2 đất trồng cây lâu năm.

Từ những phân tích ở trên Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H, ông N xây tường rào, đổ bê tông lối đi và làm trụ cổng lấn chiếm phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Tạ Thị Q là đúng. Diện tích đất đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Tạ Thị Q. Việc chị Q yêu cầu bà H, ông N, anh N1 tháo dỡ bờ tường rào xây, trụ cổng, đổ bê tông lối đi theo thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2025 và trả lại cho chị 11m^2 đất là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Đối với chi phí tố tụng định giá và thẩm định tại chỗ 5.500.000đ mà nguyên đơn đã tạm ứng, chị Q đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, cần buộc ông N, anh N1 phải trả cho chị Q số tiền 5.500.000đ.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật, trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với phần tranh chấp chị Q xác định vào phần đất trồng cây lâu năm. Do vậy ông N, anh N1 phải chịu 11m^2 x 4.000.000đ/m^2 =44.000.000đ x 5% = 2.200.000đ.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 31, Điều 236 Luật đất đai năm 2024 và Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của chị Tạ Thị Q.

Buộc ông Trần Kim N, anh Trần Hải N1 tháo dỡ đoạn tường rào dài 02m, cao 02m, 11,0m^2 phần lối đi bê tông, 01 trụ cổng trả lại cho chị Tạ Thị Q 11m^2

đất; địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã S, tỉnh Phú Thọ) (có sơ đồ chi tiết kèm theo)

2/ Chi phí định giá và thẩm định tại chỗ ông Trần Kim N, anh Trần Hải N1 trả lại cho chị Tạ Thị Q 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Kim N, anh Trần Hải N1 phải chịu 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Tạ Thị Q 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0007668 ngày 12/5/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch (nay là Phòng thi hành án khu vực 11- Phú Thọ).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *VKSND khu vực 11-Phú Thọ;*
- *THA DS tỉnh Phú Thọ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Huệ